

3. Việc kiểm tra trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước trong ngành Ngân hàng được tiến hành định kỳ ít nhất 2 năm một lần hoặc đột xuất khi cần thiết.

4. Quá trình kiểm tra và tự kiểm tra phải đánh giá được những ưu điểm, khuyết điểm, phát hiện những thiếu sót, sơ hở và kiến nghị những biện pháp khắc phục. Sau mỗi lần kiểm tra phải báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, sau đó gửi Bộ Công an để theo dõi”.

5. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 17. Chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong ngành Ngân hàng.

1. Báo cáo gồm 2 loại:

a) Báo cáo (đột xuất) những vụ việc lộ, mất bí mật nhà nước xảy ra hoặc hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, gây phương hại đến an ninh quốc gia, lợi ích của Nhà nước hoặc của ngành do Thủ trưởng đơn vị trong ngành (nơi phát sinh vụ việc) thực hiện hoặc thông qua thanh tra, kiểm tra.

b) Báo cáo toàn diện về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong Ngành định kỳ mỗi năm một lần thực hiện vào tháng 1 của năm sau do các thủ trưởng đơn vị trong Ngành thực hiện hoặc Thủ trưởng đơn vị có chức năng thanh tra, kiểm tra.

Báo cáo gửi về Văn phòng để tổng hợp báo cáo chung toàn Ngành.

2. Văn phòng chủ trì phối hợp với các

đơn vị liên quan hàng năm tổ chức sơ kết, 5 năm tổng kết một lần công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong ngành Ngân hàng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổng kiểm soát, Chánh Thanh tra, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Lê Đức Thúy

CHỈ THỊ của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 04/2004/CT-NHNN ngày 01/4/2004 về việc tăng cường quản lý, giám sát nhằm đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn - hiệu quả - bền vững.

Trong thời gian qua, các tổ chức tín dụng đã có những giải pháp thiết thực trong việc nâng cao chất lượng tín dụng và đã đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên trong hoạt động tín dụng còn tiềm ẩn rủi ro, có những biểu hiện trở lại

tình trạng bao cấp, nợ xấu vẫn tiếp tục phát sinh. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là việc chấp hành Quy chế cho vay, quy định kiểm tra giám sát hoạt động của tổ chức tín dụng chưa đầy đủ. Nhiều tổ chức tín dụng chưa đảm bảo được một số chỉ tiêu an toàn tín dụng trong hoạt động, đặc biệt vấn đề cung cầu trên thị trường tín dụng chưa được tổ chức tín dụng quan tâm đúng mức.

Để giảm thiểu những rủi ro trong hoạt động tín dụng ngân hàng, không ngừng nâng cao tính an toàn - hiệu quả - bền vững trong hoạt động tín dụng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện các nội dung sau:

I. ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

1. Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định của pháp luật về cho vay, bảo lãnh và cho thuê tài chính. Từng tổ chức tín dụng rà soát lại việc hướng dẫn thực hiện các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với từng hình thức cấp tín dụng để kịp thời bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn hoạt động của ngân hàng, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, tăng cường kiểm tra giám sát hoạt động tín dụng nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

2. Có biện pháp triển khai thực hiện có hiệu quả chỉ đạo của Thống đốc Ngân

hàng Nhà nước về việc nâng cao chất lượng tín dụng theo nội dung Chỉ thị số 08/2003/CT-NHNN ngày 24/12/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

3. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Các tổ chức tín dụng bám sát quy định tại Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng để hướng dẫn các đơn vị thuộc hệ thống thực hiện xem xét cho vay theo nguyên tắc chủ động, linh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế của mình, nhưng phải đảm bảo an toàn và đủ căn cứ pháp lý để xử lý khi có tranh chấp. Khi xem xét cấp tín dụng cho các dự án, phương án cần lưu ý hiệu quả sử dụng vốn vay, cụ thể:

3.1. Chủ động tiếp cận chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đường lối, chủ trương phát triển kinh tế xã hội của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ, để phân tích, đánh giá và xác định nhu cầu vốn, trong đó có vốn tín dụng ngân hàng để xác định định hướng cho hoạt động cấp tín dụng, xác định hạn mức tín dụng cho từng mặt hàng, ngành hàng hoặc lĩnh vực đầu tư để đảm bảo an toàn và phân tán rủi ro tín dụng.

Trên cơ sở định hướng cấp tín dụng đã được xác định, các tổ chức tín dụng cần phối hợp để lựa chọn các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh có hiệu

quả cao để cấp tín dụng; đặc biệt là đối với các dự án sử dụng vốn lớn, có nhu cầu đồng tài trợ của nhiều tổ chức tín dụng.

3.2. Đối với phần vốn các ngân hàng thương mại đầu tư thuộc các dự án có sự tham gia cho vay của các tổ chức không phải là tổ chức tín dụng: các ngân hàng phải đảm bảo an toàn, hiệu quả vốn đầu tư, thu hồi đủ vốn, thực hiện đúng quy định hiện hành của pháp luật về cho vay, bảo đảm tiền vay, quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn, giảm thiểu rủi ro kỳ hạn.

3.3. Các tổ chức tín dụng thực hiện đúng quy định về cung cấp, khai thác và sử dụng thông tin tín dụng, không để xảy ra tình trạng một khách hàng vay vốn tại nhiều tổ chức tín dụng nhưng không có sự kiểm tra, đánh giá về mức độ rủi ro.

4. Tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn liên quan đến hoạt động tín dụng, tự chịu trách nhiệm về sự an toàn và hiệu quả của hoạt động tín dụng:

4.1. Tổ chức tín dụng phải chủ động xây dựng kế hoạch huy động và sử dụng vốn nhằm vừa đảm bảo an toàn cho hoạt động chung, vừa bảo đảm cơ cấu nguồn vốn - sử dụng vốn hợp lý về kỳ hạn trong hoạt động tín dụng. Thực hiện giám sát và kiểm tra thường xuyên việc thực hiện các quy định về tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung, dài hạn.

4.2. Thực hiện phân loại tài sản Có theo mức độ rủi ro và trích lập dự phòng

rủi ro theo đúng quy định, chủ động xử lý kịp thời các rủi ro phát sinh trong hoạt động tín dụng theo quy định hiện hành. Không để nợ nần dây dưa kéo dài làm giảm chất lượng tín dụng.

4.3. Có biện pháp tích cực nhằm chủ động nâng cao tỷ lệ an toàn vốn. Đối với các tổ chức tín dụng chưa đạt tỷ lệ an toàn vốn 8% phải có giải pháp cụ thể phấn đấu đưa tỷ lệ vốn tự có trên tài sản có rủi ro đạt và vượt mức 8%.

4.4. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định về giới hạn cho vay, bảo lãnh tối đa đối với một khách hàng, chủ động đề xuất các giải pháp nhằm vừa đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn của khách hàng, vừa đảm bảo an toàn, chất lượng, hiệu quả của hoạt động tín dụng.

4.5. Chấp hành nghiêm túc quy định về bảo đảm tiền vay của tổ chức tín dụng theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước. Chú trọng các biện pháp đảm bảo an toàn vốn tín dụng đặc biệt là trong các trường hợp cho vay không có bảo đảm hoặc cho vay bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

5. Thực hiện rà soát, đánh giá, phân loại nợ theo nguyên nhân khó thu hồi để có biện pháp quản lý, giám sát và xử lý nợ thích hợp nhằm giảm thiểu nợ gia hạn, nợ quá hạn:

5.1. Tiến hành phân loại, đánh giá khả năng thu hồi của toàn bộ các khoản nợ đã gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn và nợ quá hạn. Trên cơ sở đó tập trung cán bộ để thu nợ,

không để tình trạng nợ nần kéo dài, khách hàng có khả năng mà không tận thu để trả nợ ngân hàng; áp dụng các biện pháp để tận thu kể cả việc trích tài khoản tiền gửi để thu nợ. Kiên quyết không để nợ quá hạn mới phát sinh do nguyên nhân chủ quan.

5.2. Đối với các khoản nợ do khách hàng cố tình chây ì, có khả năng tài chính, có tài sản nhưng không trả nợ ngân hàng:

a) Tiến hành các thủ tục khởi kiện khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng, theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp chặt chẽ với cơ quan thi hành án tại địa phương để thu hồi nợ. Trường hợp tổ chức tín dụng đang quản lý tài sản nhưng chưa phát mại thì hoàn chỉnh hồ sơ, giấy tờ để có thể bán thu hồi nợ.

c) Tổng hợp báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước kết quả xử lý nợ chây ì theo định kỳ 6 tháng một lần.

6. Tăng cường sự phối hợp, kết hợp giữa các bộ phận trong một tổ chức tín dụng và giữa các tổ chức tín dụng trong hoạt động tín dụng để kiểm soát chặt chẽ việc chấp hành quy trình cấp tín dụng, đảm bảo theo dõi chặt chẽ các khoản vay từ lúc mới phát sinh đến khi thu hồi hết nợ vay.

II. ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

1. Các đơn vị tại trụ sở Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1.1. Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình, các đơn vị tại trụ sở Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý giám sát của Ngân hàng Trung ương đối với các tổ chức tín dụng để sớm phát hiện và xử lý kịp thời những vướng mắc, kiến nghị của tổ chức tín dụng và các đơn vị liên quan, tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động tín dụng theo nguyên tắc bảo đảm an toàn - hiệu quả - bền vững, nâng cao vai trò quản lý, giám sát của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1.2. Trung tâm thông tin tín dụng phải có biện pháp cụ thể để tăng cường tổ chức và bộ máy cả về năng lực trình độ và nghiệp vụ chuyên môn, từng bước nâng cao chất lượng thông tin khách hàng cung cấp cho các tổ chức tín dụng, quy định cụ thể chặt chẽ việc phối hợp cung cấp, sử dụng, khai thác thông tin giữa Trung tâm thông tin tín dụng với các tổ chức tín dụng, trong đó chú trọng nâng cao chất lượng thông tin đánh giá khách hàng cả về quy mô số lượng khách hàng và nội dung thông tin cung cấp.

1.3. Vụ Các ngân hàng nghiên cứu trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc mở rộng đối tượng xử lý nợ bằng nguồn dự phòng rủi ro theo hướng mở rộng quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm của tổ chức tín dụng, tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng chủ động xử lý các khoản nợ tồn đọng do nguyên nhân khách quan không còn khả năng thu hồi, không thuộc đối tượng, phạm vi xử lý nợ theo các quy định của Nhà nước.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

2.1. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thường xuyên theo dõi và phối hợp với các tổ chức tín dụng trên địa bàn để có biện pháp cụ thể nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng và ngăn chặn sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các tổ chức tín dụng.

2.2. Thực hiện việc kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện quy định của pháp luật về cho vay và cơ chế bảo đảm tiền vay, về bảo lãnh và cho thuê tài chính của tổ chức tín dụng.

2.3. Định kỳ hàng tháng tổng hợp báo cáo đầy đủ, cụ thể và kịp thời diễn biến tình hình thực hiện chỉ đạo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tại Chỉ thị này trên địa bàn về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tín dụng).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các đơn vị liên quan tại trụ sở Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này.

2. Chỉ thị này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Trong quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc, các đơn vị báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để được xem xét giải quyết./.

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC**

Lê Đức Thúy

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 8233947

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng